

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Vật liệu xây dựng, Thử nghiệm Không phá hủy

Mã số: VLAT-1.0084

Số: AOSC-1.0084.1
Ngày cấp: 13/8/2025
Giá trị đến: 04/5/2028



GIÁM ĐỐC


PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

**VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY**



ACCREDITATION CERTIFICATE

**BUILDING MATERIAL TESTING AND CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION
QUALITY CONTROL LABORATORY
INTERNATIONAL QUALITY TESTING JOINT STOCK COMPANY**

**Address: Binh Tien 2 Hamlet, Duc Hoa Commune, Tay Ninh Province, Vietnam
has been assessed and found conforming with the requirements of standard**

ISO/IEC 17025:2017

Fields of Accreditation: Construction Testing, Non-destructive Testing

Accreditation Code: VLAT-1.0084

DIRECTOR



Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM

No.: AOSC-1.0084.1
Issue date: 13/8/2025
Expiration date: 04/5/2028



Số: 53/QĐ-AOSC

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC CÔNG NHẬN NĂNG LỰC PHÒNG THỬ NGHIỆM

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-1245 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 08 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Quy định công nhận của Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - AOSC;

Xét đề nghị của Phòng Công nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận: **PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ** có năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với các phép thử nghiệm trong phụ lục kèm theo.

Điều 2. Phòng thử nghiệm được cấp mã số: **VLAT-1.0084**.

Điều 3. Phòng thử nghiệm được công nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu công nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận năng lực thử nghiệm theo quy định hiện hành của AOSC trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26/01/2026 đến ngày 04/5/2028, thay thế Quyết định số 372/QĐ-AOSC ngày 13/8/2025 và phòng thử nghiệm phải chịu sự giám sát định kỳ không quá 12 tháng một lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu AD.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM



VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS
CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY

No: 53/QĐ-AOSC

Hanoi, Jan 26, 2026

DECISION
On accreditation of testing laboratory

**DIRECTOR OF ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY
ASSESSMENT CAPACITY**

Pursuant to the Government's Decree No. 107/2016/ND-CP of July 1, 2016, defining the conditions for the provision of conformity assessment services;

Pursuant to the Registration Certificate of Science and Technology Operation no. A-1245 by Ministry of Science and Technology dated April 8, 2022;

Pursuant to the Accreditation Regulation of the Accreditation Office for Standards Conformity Assessment Capacity - AOSC;

At the proposal of the Accreditation Department.

DECIDES:

Article 1. Accredite: **BUILDING MATERIAL TESTING AND CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION QUALITY CONTROL LABORATORY, INTERNATIONAL QUALITY TESTING JOINT STOCK COMPANY** to have competence in testing for the Tests (attached annex) in conformity with ISO/IEC 17025:2017.

Article 2. Testing Laboratory with the code: **VLAT-1.0084**.

Article 3. The accredited testing Laboratory in Article 1 is permitted to use the accreditation symbol and shall follow all the requirements of testing competence accreditation in AOSC's current regulation within the valid period of accreditation.

Article 4. This decision comes into effect from 26/01/2026 to 04/5/2028, replaces the Decision no. 372/QĐ-AOSC date 13/8/2025 and testing Laboratory shall be under periodical surveillance once a year.

Recipients:

- As Article 1;
- Archive: AD.

DIRECTOR



Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTING

(Ban hành kèm theo quyết định số: 53/QĐ-AOSC ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng)
Issued together with Decision no.: 53/QĐ-AOSC date 26 Jan 2026 of Accreditation Office for Standards Conformity Assessment Capacity)

1. Tên phòng thử nghiệm/ *Testing Lab name*: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH/ *BUILDING MATERIAL TESTING AND CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION QUALITY CONTROL LABORATORY*

2. Cơ quan chủ quản/ *Organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ/ *INTERNATIONAL QUALITY TESTING JOINT STOCK COMPANY*

3. Lĩnh vực thử nghiệm/ *Field*: Thử nghiệm Vật liệu xây dựng/ *Construction Testing*, Thử nghiệm Không phá hủy/ *Non-destructive Testing*

4. Người đại diện PTN/ *Representative*: Đặng Đôn Tuyển - Trưởng Phòng

5. Mã số phòng thử nghiệm/ *Accredited Testing Lab code*: VLAT-1.0084

6. Thông tin phòng thử nghiệm/ *Lab information*

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH/ *BUILDING MATERIAL TESTING AND CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION QUALITY CONTROL LABORATORY*

Địa chỉ/ *Address*: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam/ *Binh Tien 2 Hamlet, Duc Hoa Commune, Tay Ninh Province, Vietnam*

Điện thoại/ *Telephone number*: 0989872278

Email: tuyendd@iqtc.vn

7. Các phép thử được công nhận/ Accredited Tests:

7.1 Lĩnh vực/ Field: Thử nghiệm Vật liệu xây dựng/ Construction Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Thành phần hóa của thép carbon và thép hợp kim thấp/ Chemical composition of carbon and low-alloy steel (C, Mn, Si, P, S, Cr, Ni, Mo, Cu, V, Co, Ti, Al, As, B, N, Nb)	Vật liệu kim loại/ Metallic materials	C: (0,02 - 1,1) %	ASTM E415-21; JIS G 1253:2013
			Mn: (0,03 - 2,0) %	
			Si: (0,02 - 1,54) %	
			P: (0,006 - 0,085) %	
			S: (0,001 - 0,055) %	
			Cr: (0,007 - 8,14) %	
			Ni: (0,006 - 5,0) %	
			Mo: (0,007 - 1,3) %	
			Cu: (0,006 - 0,5) %	
			V: (0,003 - 0,3) %	
			Co: (0,006 - 0,20) %	
			Ti: (0,001 - 0,2) %	
			Al: (0,006 - 0,093) %	
			As: (0,003 - 0,1) %	
			B: (0,0004 - 0,007) %	
N: (0,01 - 0,055) %				
Nb: (0,003 - 0,12) %				



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
2	Thử uốn mối hàn/ Weld bend test	Mối hàn kim loại/ Metallic Weld	Đến 180°/ To 180°	AWS D1.1/D1.1M:2025; AWS D1.2/D1.2M:2014; ASME BPVC.IX - 2025; BS EN ISO 15614-1:2017 +A1:2019; JIS Z 3122:2013; TCVN 5401:2010 (ISO 5173:2009)
3	Thử uốn vật liệu: - Dạng hình, tấm, thanh, que, ống - Thép cốt bê tông/ Metallic bend test: - Shape, plate, bar; wire; pipe; - Steel for the reinforcement of concrete;	Vật liệu kim loại/ Metallic material	Tới 180°/ To 180°	TCVN 198:2008; ASTM A370-24; TCVN 6287:1997; TCVN 7937-1:2013; ISO 15630-1:2019; TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2:2010); TCVN 7937-3:2009 (ISO 15630-3:2010); ISO 7438:2020; ASTM A615/A615M-22; GOST 14019-2003; JIS Z 2248:2022; BS 4449:2005+A3:2016
4	Thử kéo mối hàn/ Weld tensile test	Mối hàn kim loại/ Metallic Weld	Tới 1000 kN/ To 1000 kN	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; AWS D1.1/D1.1M:2025; AWS D1.2/D1.2M:2014; ASME BPVC.IX - 2025; BS EN ISO 15614-1:2017 +A1:2019; JIS Z 3121:2013; GOST 10922-2012
5	Thử kéo vật liệu: - Dạng hình, tấm, thanh, que, ống - Thép cốt bê tông/ Metallic tensile test: - Shape, plate; bar; wire; rod; pipe; - Steel for the reinforcement of concrete;	Vật liệu kim loại/ Metallic material	Tới 1000 kN/ To 1000 kN	TCVN 197-1:2014; ASTM E8/E8M-24; JIS Z 2241:2011; ASTM A770/A770M-03 (Reapproved 2025); TCVN 314:2008; TCVN 7937-1:2013; ISO 15630-1:2019; TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2:2010); TCVN 7937-3:2013 (ISO 15630-3:2010); ISO 6892-1:2019; GOST 1497-84; GOST 12004-81; BS 4449:2005+A3:2016

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
6	Thử kéo vật liệu dây cáp kim loại/ Metallic tensile test for metallic rope	Dây cáp thép/ Metallic steel rope	Tới 1000 kN/ To 1000 kN	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009); TCVN 6368:1998, ASTM A931-18, ISO 3108:2017; JIS Z 2241:2011
7	Thử kéo bu lông, đai ốc; vật liệu bu lông/ Tensile test for bolt & screw-nut and material of bolt	Bu lông; đai ốc; vật liệu bu lông bằng kim loại/ Metallic bolt, screw-nut, material of bolt	Tới 1000 kN/ To 1000 kN	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009); TCVN 1916:1995; ISO 898-1:2013; ASTM A370-24; ASTM E8/E8M-24; ASTM F606/F606M-25; JIS Z 2241:2011; JIS B 1051:2014; BS 3692:2014
8	Thử va đập Charpy/ Charpy pendulum impact test	Vật liệu kim loại/ Metallic materials	Đến 500 J	TCVN 312-1:2007; ASTM E23-24; JIS Z 2242:2023; ISO 148-1:2016; AS 1544.2-2003 (R2017)
9	Thử va đập Charpy/ Charpy pendulum impact test	Mối hàn kim loại/ Metallic Welds	Đến 500 J	TCVN 312-1:2007; TCVN 5402:2010; ASME BPVC.IX-2025; AWS D1.1/D1.1M:2025; ISO 15614-1:2017 +A1:2019; AS 2205.7.1-2003 (R2018)
10	Thử độ cứng Vickers/ Vickers hardness test	Vật liệu kim loại/ Metallic materials	HV1 - HV50	TCVN 258-1:2007; ISO 6507-1:2023; ASTM E92-23; JIS Z 2244-1:2024; AS 1817.1:2003
11	Thử độ cứng Vickers/ Vickers hardness test	Mối hàn kim loại/ Metallic welds	HV1 - HV50	ASTM E92-23; ASME BPVC.IX-2025; AWS D1.1/D1.1M:2025; ISO 15614-1:2017 +A1:2019; AS 2205.6.1-2003
12	Kiểm tra tổ chức thô đại của mối hàn/ Macroscopic examination of welds	Mối hàn kim loại/ Metallic Welds		ASME BPVC.IX-2025; AWS D1.1/D1.1M:2025; ISO 15614-1:2017 +A1:2019; AS/NZS 2205.5.1:2019



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
13	Xác định cường độ nén/ Compressive strength	Bê tông và bê tông nặng/ Hardened concrete	Tới 2000 kN/ To 2000 kN	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; ASTM C873/C873M-23; BS EN 196-1:2016

7.2 Lĩnh vực/ Field: Thử nghiệm Không phá hủy/ Non-destructive Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp từ tính/ Measuring coating thickness by magnetic method	Lớp phủ trên nền kim loại từ tính/ Coating on ferromagnetic material	Tới 1500 μm / To 1500 μm .	TCVN 5878:2007; ISO 2178:2016; TCVN 9760:2013; ASTM E376-19; ASTM B499-09 (Reapproved 2021); TCVN 5408:2007; JIS H0401:2021
2	Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng phương pháp thẩm thấu (PT)/ Non-destructive testing (NDT) by Liquid penetrant testing (PT)	Vật liệu kim loại, mối hàn/ Metallic material, weld	-	TCVN 4617-2,3,4,6:2018; AWS D1.1/D1.1M:2025; ASTM E165/E165M-23; ASME BPVC.V-2025; ISO 3452-1:2021
3	Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng phương pháp hạt từ (MT)/ Non-destructive testing (NDT) by Magnetic particle testing (MT)	Vật liệu kim loại, mối hàn/ Metallic material, weld	-	AWS D1.1/D1.1M:2025; TCVN 11759:2016; EN ISO 17638:2016; ASTM E709-21; AS 1171-1998; ASME BPVC.V-2025
4	Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng phương pháp siêu âm (UT)/ Non-destructive testing (NDT) by Ultrasonic testing (UT)	Vật liệu kim loại, mối hàn/ Metallic material, weld	-	AWS D1.1/D1.1M:2025; ASTM E164-19; TCVN 6735:2018; BS EN ISO 17640:2018; AS 2207-2007; JIS Z 3060:2015; JIS G 0584:2022; ASME BPVC.V-2025
5	Phương pháp chụp ảnh bức xạ/ Radiographic testing (RT)	Mối hàn kim loại / Metallic Welds	-	AWS D1.1/D1.1M:2025; AWS D1.5M/D1.5:2025; AWS D1.6/D1.6M:2017; ASME BPVC.V-2025; ISO 17636-1:2022; JIS Z 3104:1995; TCVN 11758-1:2016; AS 2177:2006; ASTM E94/E94M-22; CSA W59-2024



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
6	Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng phương pháp ngoại quan (VT)/ Non-destructive testing by visual testing (VT)	Vật liệu kim loại, mối hàn/ Metallic material, weld	-	ASME BPVC.V-2025; AWS B1.11:2015; BS EN ISO 17637:2016; AS 3978:2003

Ghi chú: Trường hợp PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

CHUẤT VỊ